

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ
PHÁT TRIỂN NÔNG
THÔN

Số: 34/2016/TT-
BNNPTNT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 23 tháng 12 năm 2016

THÔNG TƯ

QUY ĐỊNH TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN, NỘI DUNG, HÌNH THỨC THI, XÉT THĂNG
HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP ĐỐI VỚI VIÊN CHỨC CHUYÊN NGÀNH
NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010;

*Căn cứ Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ quy
định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;*

*Căn cứ Nghị định số 199/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ
quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và
Phát triển nông thôn;*

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ;

*Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Thông tư quy định tiêu
chuẩn, điều kiện, nội dung, hình thức thi, xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp đối
với viên chức chuyên ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn.*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về tiêu chuẩn, điều kiện, nội dung, hình thức thi, xét thăng
hạng chức danh nghề nghiệp đối với viên chức chuyên ngành nông nghiệp và phát
triển nông thôn.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Thông tư này áp dụng đối với viên chức chuyên ngành nông nghiệp và phát triển
nông thôn làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập.

2. Đối với công chức của đơn vị sự nghiệp công lập hiện đang giữ chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn có thể áp dụng quy định tại Thông tư này để tham gia dự thi, xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

Điều 3. Nguyên tắc thi, xét thăng hạng

Việc tổ chức thi, xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp đối với viên chức được thực hiện theo các nguyên tắc sau:

1. Đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục và theo các quy định của quy chế, nội quy thi, xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp đối với viên chức.
2. Đảm bảo đúng vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của đơn vị sự nghiệp công lập.
3. Viên chức phải có đủ tiêu chuẩn, điều kiện của chức danh nghề nghiệp đăng ký thi, xét thăng hạng.
4. Đảm bảo bình đẳng, công bằng, công khai, minh bạch, khách quan và đúng pháp luật.

Chương II

TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN THI, XÉT THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP

Điều 4. Tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký dự thi, xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp

1. Viên chức được đăng ký thi, xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp phải có đủ các tiêu chuẩn sau:
 - a) Đáp ứng tiêu chuẩn chung về đạo đức nghề nghiệp của viên chức quy định tại chức danh đăng ký dự thi, xét thăng hạng;
 - b) Có đủ trình độ đào tạo, bồi dưỡng và năng lực chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp ở hạng đăng ký thi, xét thăng hạng.
2. Viên chức đăng ký thi, xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp ngoài việc đáp ứng đủ các tiêu chuẩn quy định tại Khoản 1, Điều 4 của Thông tư này còn phải đạt các điều kiện sau:

- a) Đơn vị sử dụng viên chức có nhu cầu và có văn bản cử viên chức dự thi, xét thăng hạng gửi cơ quan có thẩm quyền tổ chức thi hoặc xét;
- b) Đang giữ các chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn, có khả năng đảm nhận các nhiệm vụ ở chức danh đăng ký thi, xét thăng hạng (ở hạng cao hơn hạng hiện giữ trong cùng ngành, lĩnh vực);
- c) Đảm bảo phù hợp với vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của đơn vị sự nghiệp công lập đã được phê duyệt;
- d) Được đơn vị sử dụng viên chức đánh giá, phân loại từ hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong thời gian công tác 03 (ba) năm liên tục gần nhất tính đến thời điểm nộp hồ sơ đăng ký dự thi, xét thăng hạng;
- đ) Không trong thời gian thi hành kỷ luật hoặc đã có thông báo về việc xem xét kỷ luật của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền;
- e) Đối với viên chức thi thăng hạng từ hạng III lên hạng II phải có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp hạng III tối thiểu đủ 09 (chín) năm, trong đó thời gian gần nhất giữ chức danh hạng III cùng với chức danh đăng ký thi thăng hạng tối thiểu đủ 02 (hai) năm tính đến thời điểm nộp hồ sơ;
- g) Đối với viên chức xét thăng hạng từ hạng IV lên hạng III có thời gian giữ chức danh hạng IV như sau:
- Đối với trường hợp khi tuyển dụng lần đầu có trình độ tốt nghiệp cao đẳng, phải có thời gian công tác giữ chức danh hạng IV tối thiểu đủ 02 (hai) năm tính đến thời điểm nộp hồ sơ;
- Trường hợp khi tuyển dụng lần đầu có trình độ tốt nghiệp trung cấp, phải có thời gian công tác giữ chức danh hạng IV tối thiểu đủ 03 (ba) năm tính đến thời điểm nộp hồ sơ.

Điều 5. Hồ sơ dự thi, xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp

1. Hồ sơ đăng ký dự thi, xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp

- a) Đơn đăng ký dự thi, xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Bản sơ yếu lý lịch của viên chức theo Mẫu số 2 ban hành kèm theo Thông tư số 12/2012/TT-BNV ngày 18/12/2012 của Bộ Nội vụ quy định về chức danh nghề nghiệp và thay đổi chức danh nghề nghiệp đối với viên chức (sau đây viết tắt là Thông tư số 12/2012/TT-BNV), có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng hoặc quản lý viên chức;

c) Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức đối với trường hợp viên chức không giữ chức vụ quản lý hoặc của người đứng đầu cơ quan, đơn vị có thẩm quyền bổ nhiệm viên chức quản lý;

d) Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo chức danh nghề nghiệp đăng ký dự thi, xét thăng hạng được cơ quan, đơn vị có thẩm quyền chứng thực hoặc đã được người có thẩm quyền đối chiếu với bản chính;

đ) Bản sao các quyết định: Bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp viên chức (trước đây là ngạch viên chức), nâng lương gần nhất;

e) Giấy chứng nhận sức khỏe do cơ quan y tế có thẩm quyền cấp trong thời hạn 30 ngày, tính đến thời điểm cuối cùng nộp hồ sơ đăng ký dự thi, xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

Đối với các trường hợp xét miễn thi môn ngoại ngữ, tin học: Nộp bản sao các văn bằng, chứng chỉ quy định tại Điều 7 của Thông tư này được cơ quan, đơn vị có thẩm quyền chứng thực.

2. Việc lưu giữ, quản lý hồ sơ đăng ký dự thi, xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp của viên chức ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn từ hạng III lên hạng II và hạng IV lên hạng III do cơ quan có thẩm quyền cử viên chức dự thi, xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp lưu giữ, quản lý.

Chương III

NỘI DUNG, HÌNH THỨC THI THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP

Điều 6. Nội dung, hình thức thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng III lên hạng II

1. Môn thi kiến thức chung

a) Hình thức thi: Thi viết (tự luận).

b) Thời gian thi: 180 phút.

c) Nội dung thi: Kiểm tra kiến thức, năng lực hiểu biết của viên chức về cải cách hành chính nhà nước, quản lý tổ chức và nhân sự, quản lý nhà nước về dịch vụ công; các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về nông nghiệp và phát triển nông thôn; định hướng phát triển và những thách thức trong quản lý nhà nước về nông nghiệp và phát triển nông thôn.

2. Môn thi chuyên môn, nghiệp vụ

a) Hình thức thi: Trắc nghiệm hoặc thực hành do Hội đồng thi quyết định.

b) Thời gian thi: Trắc nghiệm 45 phút hoặc thực hành 30 phút.

c) Nội dung thi: Kiểm tra và đánh giá trình độ, năng lực, kỹ năng, đề xuất giải pháp giải quyết của viên chức về những vấn đề đang đặt ra trong thực tiễn gắn với tiêu chuẩn về trình độ, năng lực chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp ở hạng dự thi.

3. Môn thi ngoại ngữ

a) Hình thức thi: Thi viết.

b) Thời gian thi: 90 phút.

c) Nội dung thi: Thi ở trình độ ngoại ngữ theo quy định của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp hạng II.

4. Môn thi tin học

a) Hình thức thi: Thi trắc nghiệm hoặc thi thực hành trên máy vi tính.

b) Thời gian thi: 45 phút.

c) Nội dung thi: Kiểm tra hiểu biết về hệ điều hành Windows, sử dụng các ứng dụng của Microsoft Office, sử dụng Internet.

Điều 7. Điều kiện miễn thi môn ngoại ngữ và môn tin học

1. Miễn thi môn ngoại ngữ

Viên chức tham dự kỳ thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp, tính đến thời điểm cuối cùng nộp hồ sơ đăng ký dự thi được miễn thi môn ngoại ngữ khi có một trong các điều kiện sau:

a) Viên chức có bằng tốt nghiệp đại học thứ hai là bằng ngoại ngữ;